

VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG Á TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

TS. TRƯƠNG THỊ THUYẾT HẰNG

Học viện Quản lý giáo dục

1. Bối cảnh mới của phát triển nguồn nhân lực ở Đông Á

1.1. Hội nhập quốc tế và những thay đổi trong khu vực Đông Á

Bức tranh kinh tế Đông Á sau hơn một thập kỷ phát triển từ năm 1990 tới năm 2006 đã có rất nhiều thay đổi. Thị trường lớn hơn với số cư dân khá giả nhiều hơn làm cho nhu cầu về hàng tiêu dùng tăng lên. Đã hình thành một sự chuyển dịch trung tâm kinh tế - sản xuất, thương mại và tài chính về Trung Quốc và Đông Bắc Á. Với sự gia tăng các hiệp định thương mại kinh tế song phương và đa phương: 24 hiệp định đã ký kết và 34 hiệp định khác đang thương thảo trong vòng 10 năm qua cho thấy xu hướng tăng lên của chủ nghĩa khu vực trong Đông Á. Xu hướng phát triển này được cho là bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính 1997- 1998. Nhiều nhà lập chính sách đã nhận ra cuộc khủng

hoảng đó là rủi ro mà quá trình toàn cầu hoá mang lại cùng các lợi ích khác.

Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là xu hướng khu vực hoá tăng cùng lúc với toàn cầu hoá, hội nhập vào thế giới gia tăng. Các nước Đông Á thành công trong việc tham gia vào thị trường thế giới hiện đang hội nhập vào khu vực. Cần chú ý là hội nhập khu vực diễn ra bên cạnh, song hành, chứ không phải là thay thế hội nhập quốc tế. Trong một số lĩnh vực thì quá trình hội nhập khu vực còn diễn ra nhanh hơn hội nhập quốc tế. Từ một tập hợp các quốc gia nhanh chóng hội nhập với thế giới, Đông Á đang chuyển đổi sang một khu vực năng động khai thác các nguồn lực ở châu Á. Từng nước Đông Á đã học được bài học từ khủng hoảng kinh tế và đã tự gia tăng sức mạnh để tiếp tục hội nhập quốc tế. Nhìn chung các nước này đang coi hội nhập khu vực làm cho họ cạnh tranh

hơn trên quốc tế, chính vì thế mà sự hội nhập khu vực đang diễn ra nhanh chóng và đang dần trở thành nguồn động lực chính trong khu vực. Tuy nhiên, đây cũng được đánh giá là nguồn lực có tác động lan toả đối với tăng trưởng kinh tế mà cuộc khủng hoảng Đông Á là sự phản ánh rõ ràng nhất tác động lan toả này. Mặt khác, cuộc khủng hoảng cũng là lời nhắc nhở rằng con đường phát triển, đặc biệt là để đạt được sự phát triển bền vững là không bằng phẳng, dễ dàng mà luôn chứa đựng những khó khăn, thách thức bất ngờ.

Nhiều con số cho thấy so với thời điểm những năm 1997 - 1998, khi cuộc khủng hoảng tài chính làm cho 5 nền kinh tế của Đông Á suy sụp thì thời điểm hiện nay, khu vực này đang tạo ra những ấn tượng tốt về một sự phát triển năng động. Xuất khẩu đã tăng lên mức một phần năm tổng xuất khẩu thế giới, tức là trên 2 nghìn tỷ đô la Mỹ mỗi năm, làm cho khu vực Đông Á trở thành khu vực thương mại mở nhất thế giới. Đây cũng là khu vực thu hút đầu tư nước ngoài nhiều nhất và có dự trữ ngoại tệ có giá trị 1,6 nghìn tỷ đô la Mỹ. Thị trường vốn đã tăng trưởng và tổng tài sản tài chính nội địa có giá trị 9,6 nghìn tỷ đô la Mỹ. Thời điểm hiện nay được nhìn nhận như thời điểm hình thành của thời kỳ phục hưng kinh tế trong khu vực Đông Á.

1.2. Kinh tế tri thức

Đến những năm cuối thế kỷ XX, tác động của kinh tế tri thức đối với phát

triển đã được phân tích, xem xét trên nhiều bình diện, trong đó nhiều bằng chứng cho thấy khoảng 60% tăng trưởng xuất khẩu dường như thuộc về các sản phẩm mới, chứ không phải thông qua xúc tiến thương mại những sản phẩm đã có. Một yếu tố quan trọng của kinh tế tri thức là đòi hỏi các ý tưởng mới, sự sáng tạo. Sự phát triển không giới hạn các ý tưởng mới và sự sáng tạo là trái ngược với kiểu phát triển dựa trên tích tụ con người và tư bản chỉ phát triển ở mức giới hạn. Đây chính là một sự khác biệt quan trọng trong bối cảnh phát triển nguồn nhân lực đối với các quốc gia Đông Á vì với đặc tính cơ bản sự sáng tạo ý tưởng chỉ thuộc về con người - nguồn nhân lực, vì vậy giáo dục và đào tạo có liên quan chặt chẽ và ngày càng quan trọng hơn đối với phát triển nguồn nhân lực. *Tại giai đoạn mà phụ thuộc vào kiến thức từ nước ngoài còn cao thì giáo dục cơ sở, phổ thông được xem là điều kiện tiên quyết để hình thành ý tưởng mới. Đến giai đoạn cần có sáng tạo thì vai trò của giáo dục cơ sở, giáo dục đại học bắt đầu có sự khác biệt trong đó sáng tạo đòi hỏi sự phát triển của giáo dục đại học và các viện nghiên cứu.*

Một số dự đoán cho rằng đối với khu vực Đông Á khi các nước có thu nhập trung bình phát triển, các nước trở nên chuyên biệt hoá hơn về sản xuất và nhà công, sau đó, đầu tư sẽ kém quan trọng trong khi sáng tạo tăng lên và vì thế hệ thống giáo dục sẽ chuyển từ việc trang bị cho người lao động những kỹ năng cơ

thiết để họ có thể hấp thụ kiến thức, sử dụng công nghệ mới sang chuẩn bị cho họ có thể tạo ra sản phẩm và quá trình mới. Đây sẽ là những kết quả có thể nhìn thấy được cùng với việc chuyển dịch chiến lược thành công khi các nước phát triển qua giai đoạn có thu nhập trung bình.

1.3. Những yếu tố mới tác động đến phát triển bền vững

Một số vấn đề chung toàn cầu: trong khi những nỗ lực của các quốc gia về phát triển bền vững đang được triển khai tích cực thì những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, diễn biến mới về an toàn lương thực với sự tăng vọt của giá cả lương thực, lạm phát, an ninh năng lượng là những yếu tố đặc biệt trong việc duy trì và bảo đảm phát triển bền vững đã trở nên rõ nét hơn từ đầu năm 2008.

Trong khu vực Đông Á: so với năm 1998, số người nghèo đã giảm hơn 300 triệu người (tính theo mức chi đầu người ít nhất là hai đô la Mỹ một ngày), nhiều nước đã giảm được đói nghèo và tiến đến mức độ nước có thu nhập trung bình, đồng thời tầng lớp trung lưu đang lớn mạnh. Có tiếng nói dân chủ mạnh trong các vấn đề kinh tế là một yếu tố tích cực tạo ra tiềm năng mới cho nguồn nhân lực của khu vực nhưng chính sự phát triển kinh tế nhanh nhờ hội nhập quốc tế cũng đem đến xung đột trong nước vì bất công tăng lên, căng thẳng về môi trường và tham nhũng. Mặc dù sự tăng trưởng của Đông Á được đánh giá là

mạnh mẽ và bền vững song quá trình hội nhập quốc tế đã và đang gây ra thay đổi không gian và xã hội, có ảnh hưởng tới hội nhập nội địa và quá trình đô thị hoá và phân bổ thu nhập. Trường hợp Trung Quốc là một ví dụ khá điển hình cho các bất cập trong giải quyết các quan hệ phát triển bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường. Bên cạnh sự thật là các nguồn tăng trưởng chính của Trung Quốc bao gồm đầu tư công, xuất siêu, và tiêu dùng ít có khả năng mở rộng thêm thì tăng trưởng của Trung Quốc bị giới hạn bởi một số yếu tố khác như *dân số đang già đi, tài nguyên nước và năng lượng ngày càng trở nên khan hiếm, đất đỏ, và ô nhiễm đang ngày một cách trầm trọng*, đặc biệt là ô nhiễm nước và không khí. Hai phần ba số thành phố của Trung Quốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng không khí và 10% số vụ tử vong của người lớn ở Thượng Hải có nguyên nhân từ ô nhiễm không khí. Để khắc phục khó khăn về năng lượng, Chính phủ Trung Quốc đã đặt ra mục tiêu giảm lượng tiêu thụ điện 20% cho mỗi một đơn vị tăng trưởng - một mục tiêu có lẽ là quá xa vời. Chạy theo tăng trưởng, xem nhẹ phát triển bền vững về mặt xã hội và môi trường, Trung Quốc đang phải đối mặt với không ít thách thức nhằm duy trì và bảo đảm cho sự phát triển của mình.

Như vậy, những xu hướng thay đổi xã hội và không gian có thể hỗ trợ tăng trưởng thông qua việc kết tụ và tạo ra động lực để phát triển tốt hơn nếu được

quản lý tốt. Trong trường hợp ngược lại, những vấn đề về không gian và xã hội có thể làm tổn thất toàn bộ lợi ích kinh tế của đất nước bằng tác nghẽn giao thông, ô nhiễm, xung đột xã hội và tham nhũng, làm giảm nhanh chóng các nguồn lực có sẵn cho đầu tư và tăng trưởng. Ví dụ chỉ riêng tác nghẽn giao thông ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, Băng Cốc của Thái Lan... đã dẫn đến những thiệt hại đáng kể cho phát triển kinh tế của các thành phố này. Sự phát triển bền vững của Đông Á vì vậy vẫn ẩn chứa những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững cả ba mặt: kinh tế - xã hội và môi trường của khu vực.

1.4. Tương lai của Đông Á phụ thuộc vào tương lai và hoạt động của các nước có thu nhập trung bình

Năm 1990, Đông Á đang lên với GDP là 1,2 nghìn tỷ đô la Mỹ. Hiện nay GDP của khu vực này là 4 nghìn tỷ đô la Mỹ. Nếu tính thêm Nhật Bản, Úc và Niu Dilân, khu vực này có tổng GDP là 9,5 nghìn tỷ đô la Mỹ, bằng gần một phần tư tổng GDP toàn thế giới. Với sự tăng trưởng như hiện nay, Đông Á đã trở thành khu vực có thu nhập trung bình. Khi Việt Nam đạt mức là nước có thu nhập trung bình thì hơn 95% số dân của Đông Á sẽ sống trong các nước có thu nhập trung bình. Với cơ cấu thu nhập này, có thể hy vọng sẽ có những chuyển biến rõ nét trong cơ cấu chi tiêu cho giáo dục, đào tạo và chăm sóc sức khoẻ,

những yếu tố tác động mạnh mẽ, tích cực đến chất lượng nguồn nhân lực của các nước Đông Á.

Trong bối cảnh này đã xuất hiện những thách thức mới về nguồn nhân lực đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia Đông Á.

2. Những thách thức về nguồn nhân lực đối với phát triển bền vững của Đông Á

2.1. Khả năng hội nhập, năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực

Với sự vận động của các quốc gia Đông Á trong quá trình hội nhập, với tốc độ thay đổi ý tưởng và công nghệ của kinh tế tri thức và với đặc điểm của thời kỳ phục hưng Đông Á là hấp thụ kiến thức từ châu Mỹ và châu Âu, trao đổi thông tin nhanh hơn nhờ vào máy vi tính, công nghệ, những ý tưởng về phát triển kinh tế mới, sáng tạo hiện đang thu hút sự chú ý ở Đông Á. Tốc độ thay đổi trong ý tưởng và công nghệ, phát triển đô thị, thương mại, tài chính và nhà ở, yêu cầu lên khu vực công đang diễn ra nhanh chóng. Tuy nhiên, phần lớn nguồn nhân lực ở đa số các nước Đông Á lại đã và đang được đào tạo theo yêu cầu của một nền công nghệ mô phỏng, bất chước, hấp thụ kiến thức hơn là sáng tạo. Từ đây đặt ra yêu cầu mới cho việc đầu tư vào vốn con người và đầu tư cho R&D (nghiên cứu và triển khai) để phát triển ở Đông Á.

Đầu tư vào vốn con người: Từ lý luận đến thực tiễn đều đã chứng minh sự cần thiết của nguồn vốn con người.

Trong các nền kinh tế mà ý tưởng sáng tạo là quan trọng, giáo dục đại học có vai trò quan trọng đặc biệt. Số lượng và chất lượng của công nhân có tri thức cao hơn - chủ yếu là các nhà khoa học và kỹ sư nhưng không giới hạn trong số này - sẽ giúp các nước hấp thụ kiến thức nhanh hơn và phát triển nhanh hơn. Với các yếu tố bên ngoài và lợi ích thu được từ việc tham gia vào các ngành công nghiệp tăng trưởng, nhiều nước Đông Á đang thiếu hụt lao động có tay nghề. Tuy có những bước tiến lớn trong giáo dục tiểu học trong hai thập kỷ qua song tỷ lệ nhập học cấp hai và cấp ba còn khá thấp ở nhiều nước và có sự chênh lệch lớn ngay trong một nước. Mặc dù giáo dục và các hình thức khác về phát triển nguồn nhân lực đã tạo ra một nền móng vững chắc cho cả hoạt động sáng tạo và năng lực tiếp thu của nền kinh tế song tới nay nhiều số liệu cho thấy tại các nước các nỗ lực cải thiện giáo dục lại không đồng bộ. Các nước Đông Nam Á và Trung Quốc có ít hơn khoảng 3 năm trung bình về giáo dục tại nhà trường so với các nước NIE. Một số nước như Hàn Quốc đã nâng cao giáo dục hết sức nhanh chóng trong khi các nước khác đang tụt lại phía sau. Các chính sách đẩy mạnh tiếp cận rộng rãi và công bằng hơn với giáo dục cao hơn, điều chắc chắn cần đầu tư công nhiều hơn, sẽ là then chốt không những cho giai đoạn tiếp theo của tăng trưởng trong khu vực mà còn bảo đảm rằng sự tăng trưởng này được phân phối công bằng hơn, bền vững hơn.

Định hướng phát triển giáo dục của các nước có sự khác biệt đáng kể. Trung Quốc chú ý nâng cao chất lượng đại học và đẩy nhanh tiến độ tiếp cận, ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ mới. Nhật chú trọng hơn nữa đến giáo dục chủ nghĩa yêu nước đáp ứng yêu cầu sớm trở thành một cường quốc cả kinh tế và chính trị. Singapore - vì mục đích kinh doanh và vì muốn tiếp tục giữ vị thế quốc tế của mình - chú trọng để trở thành "cái lò" đào tạo trí thức cho các nước (nhất là các nước trong khu vực), bao gồm cả việc mời những trường đại học quốc tế có tên tuổi sang mở trường trực tiếp ở Singapore...

Chất lượng giáo dục của các nước Đông Á cũng có sự khác biệt sâu sắc. Kết quả nghiên cứu TIMMS năm 2003 cho thấy có bốn nước NIE ở Đông Á đã đạt được số điểm cao nhất về toán học và khoa học tự nhiên trong số khoảng 45-46 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự, trong khi đó, Philippine nằm trong số 5 nước xếp hạng cuối về cả toán học và khoa học tự nhiên, và Indonesia cũng nằm gần mười nước cuối bảng. Trong Chương trình đánh giá sinh viên quốc tế (PISA) về khả năng toán học năm 2003 của các nước OECD, Hàn Quốc và Hồng Kông (Trung Quốc) ở trong top 5 nước và lãnh thổ hàng đầu với mẫu 40, còn Thái Lan và Indonesia ở trong top 5 nước cuối cùng. Chất lượng giáo dục đại học và giáo dục khoa học và kỹ thuật chuyên ngành có sự khác biệt lớn trong khu vực về phạm vi và được phản ánh qua sự

mất cân đối lớn trong số lượng các nhà nghiên cứu tính trên triệu dân.

Đầu tư cho R&D: Các công ty ở Đông Á chủ yếu phụ thuộc vào kiến thức từ nước ngoài, đặc biệt từ các nước đã phát triển, nơi chi đến 80% tổng ngân sách R&D trên toàn thế giới. Chi phí cho R&D ở khu vực Đông Á trong thập kỷ vừa qua đã tăng gấp đôi và hiện chiếm khoảng 1,2% GDP song giữa các nước thì tỷ lệ chi cho R&D tính theo GDP vẫn có sự khác biệt lớn. Trong khi các nền kinh tế công nghiệp mới có tỷ lệ này tới 2,2% thì trong các nước có thu nhập trung bình, chỉ có Trung Quốc (1,4% GDP) và Malaysia (0,7%) là có tỷ lệ chi tiêu cho R&D tương đối lớn. Các nước Đông Nam Á thường chi tiêu cho R&D ít hơn nhiều. Ở Đông Nam Á có chỉ số cho thấy R&D còn thiếu. Các nước như Indonesia không tham gia mạnh vào mạng lưới sản xuất khu vực và còn yếu trong xuất khẩu hàng hoá trung gian. Đây là một vấn đề cần được xem xét nghiêm túc hơn vì có nhiều nghiên cứu cho thấy R&D có thể tạo ra lợi ích lớn hơn nhiều kể cả trong các nước có thu nhập trung bình, đặc biệt khi chỉ tiêu này cho phép hấp thụ kiến thức nước ngoài.

Lực lượng lao động được đào tạo và các học viện có chất lượng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, sự hợp tác chặt chẽ giữa các viện nghiên cứu và khu vực tư nhân là đòi hỏi của khả năng hấp thụ kiến thức trong nước cao nhằm thúc đẩy quá trình sáng tạo nhanh hơn. Với những điều kiện đó thì khả năng hội nhập,

năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực ở Đông Á mới có thể khẳng định được vai trò của mình đối với quá trình phát triển bền vững.

2.2. Chuyển giao công nghệ, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sự xuất hiện các ngành nghề mới và dịch chuyển lao động, nhân lực giữa các công ty, doanh nghiệp, giữa các quốc gia trong khu vực và trên phạm vi toàn cầu

Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sự xuất hiện các ngành nghề mới đang diễn ra rất nhanh ở khu vực Đông Á, đặc biệt trong các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Trung Quốc và Việt Nam. Quá trình này bao gồm cả việc chuyển dịch các ngành kinh tế, dịch chuyển trong nội bộ ngành, đồng thời dịch chuyển theo vùng lãnh thổ, tác động sâu sắc đến sự hình thành và dịch chuyển nhân lực.

Dịch chuyển nhân lực diễn ra ngày càng đa dạng và sôi động ở khu vực Đông Á dưới những tác động của nhiều yếu tố trong nước và quốc tế. Trong các yếu tố sản xuất thì lao động không lưu chuyển giữa các nước như trong một nước, và vì vậy cơ cấu chi phí có thể làm các công ty chuyển từ các trung tâm với mức lương cao sang các trung tâm hay nước nhỏ với mức lương thấp hơn. Nếu chi phí vận chuyển nhỏ thì khả năng các công ty đến các nước/thành phố lớn sẽ nhỏ đi. Trong mô hình “ngõng bay” nhằm mô hình hoá việc chuyển địa điểm sản xuất sang Đông Á, một nền kinh tế chủ đạo như Nhật Bản phát triển công

nghe mới và khả năng sản xuất mới, nhưng khi đã phát triển, nó cũng sẽ chuyển những công nghệ này sang các nền kinh tế có lao động rẻ hơn. Bằng cách đó, các ngành công nghệ già chuyển dần từ các nước phát triển sang nước kém phát triển hơn, trong khi nền kinh tế chủ đạo sẽ tập trung vào các ngành công nghệ phức tạp hơn. Mô hình này được sử dụng để giải thích sự phát triển của bốn con hổ châu Á - Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc) và Đài Loan (Trung Quốc), những nước và lãnh thổ mà trên thực tế đã thừa hưởng nhiều ngành công nghiệp mà Nhật đã chuyên môn hoá trong những năm 1960. Như vậy, lao động rẻ vẫn là một lợi thế mà các nước đang phát triển ở Đông Á có thể khai thác, là một yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch ngành nghề, công nghệ giữa các nước và các vùng trong từng nước.

Tuy nhiên, diễn biến dịch chuyển lao động đang trở nên phức tạp hơn ở các nền kinh tế đang chuyển đổi. Tại Việt Nam những đánh giá và phân tích của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trong *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2007* với chủ đề "Lao động và phát triển nguồn nhân lực" cho thấy thiếu lao động và những biến động trái chiều về lao động đang là vấn đề rất nóng đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ví dụ, ngành dệt may Việt Nam có lợi thế so sánh và nguồn lực lao động, giá cả hợp lý so với nhiều nước trong khu vực. Nhưng hiện

ngành vẫn thiếu nhiều lao động có trình độ cao và có khả năng làm việc trong môi trường cạnh tranh cao, từ cán bộ kỹ thuật công nghệ đến thương mại, quản trị doanh nghiệp. Hơn nữa, các doanh nghiệp không có kế hoạch sử dụng nhân lực rõ ràng trong trung và dài hạn nên phần lớn rơi vào tình trạng thiếu khẩn cấp lao động, dẫn đến tranh chấp lao động diễn ra khá nghiêm trọng và năng suất lao động trong ngành đạt thấp so với các nước cạnh tranh. Ngành du lịch cũng có những khó khăn tương tự. Tỷ lệ lao động có chuyên môn về du lịch chỉ chiếm khoảng 42,5% trong tổng số lao động trực tiếp, số còn lại chuyển từ các ngành khác sang và 19,2% số này không qua đào tạo, bồi dưỡng. Tình trạng thiếu nhân lực đã được dự báo từ lâu song đến nay, các ngành ngân hàng, bảo hiểm... vẫn luôn ở trong trạng thái phải "lôi kéo", "giàng co" để thu hút nhân tài khiến thị trường lao động luôn trong tình trạng bất ổn. Trong đó, khối các doanh nghiệp nhỏ và vừa là khu vực chịu thiệt hại nhiều nhất do khả năng thu hút nhân lực có tay nghề và trình độ cao hạn chế. Tình trạng của ngay cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trong việc thu hút lao động trước đây khá dễ dàng nhưng hiện nay cũng không khả quan vì vấn đề di cư lao động đang diễn ra khá phức tạp. Những tín hiệu về sự dịch chuyển ngược lao động trong các doanh nghiệp FDI ở khu vực Đông Nam Bộ và nhất là lao động có trình độ cao ra khỏi các doanh nghiệp

FDI khá lớn. Trước đây, các doanh nghiệp FDI thường thu hút nhiều lao động có trình độ cao từ các khu vực kinh tế khác, nhưng hiện nay lao động có trình độ cao đang có xu hướng dịch chuyển từ khu vực FDI sang các khu vực khác, đặc biệt là khu vực tư nhân. Mặt khác, nguồn cung lao động nói chung và lao động có tay nghề cho khu vực Đông Nam Bộ từ trung tâm lớn (đồng bằng sông Hồng) rất hạn chế. Cụ thể, 75% tổng số lao động dịch chuyển từ Hà Nội chỉ thay đổi nơi làm việc trong nội bộ khu vực; chỉ có 1,2% bổ sung nguồn lao động cho Đông Nam Bộ do những khác biệt về văn hoá và nơi cư trú. Trong khi đó, lượng lao động chuyển dịch ra khỏi Đông Nam Bộ là hơn 70%, ở thành phố Hồ Chí Minh lên đến 86%.

Như vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự xuất hiện các ngành nghề mới và dịch chuyển lao động, nhân lực giữa các công ty, doanh nghiệp, giữa các quốc gia trong khu vực và trên phạm vi toàn cầu đang khẳng định vai trò của nguồn nhân lực được đào tạo, có chất lượng cao đồng thời đặt ra những yêu cầu mới cho chiến lược phát triển nguồn nhân lực của từng quốc gia Đông Á.

2.3. Gia tăng bất bình đẳng - những rào cản đối với phát triển nguồn nhân lực

Đông Á đã phát triển nhanh và vững chắc hơn bất kỳ khu vực nào trong thế giới các nước đang phát triển trong suốt 1/4 cuối của thế kỷ XX. Kết quả là đến

năm 2010 hơn 95% dân số khu vực này sẽ được sống trong các quốc gia có mức thu nhập trung bình Mặc dù trong nhiều năm qua, sự phát triển của Đông Á được ghi nhận là gắn liền với giảm nghèo đói nhanh song mối lo ngại về bình đẳng trong khu vực lại trở nên nghiêm trọng hơn chứ không phải kém đi. Điều này xuất phát từ thực tế bất bình đẳng trong khu vực tăng lên không chỉ về thu nhập mà cả về giáo dục và tiếp cận dịch vụ cơ bản. Các khu vực nghèo hơn và khu vực nông thôn đang tụt hậu so với thành phố. Các dân tộc thiểu số không tham gia vào quá trình tăng trưởng chung. Mặt phát triển nhận được nhiều sự chú ý nhất là khoảng cách đang ngày càng nổi rộng về thu nhập và mức sống giữa người làm công ít được đào tạo và người làm công được đào tạo tốt, và giữa dân cư nông thôn và dân cư thành thị.

Mặc dù có sự khác biệt lớn trong thu nhập bình quân đầu người giữa các nước Đông Á, nhưng cần chú ý là hơn 3/4 bất bình đẳng trong điều kiện sống của người dân Đông Á là bất bình đẳng nội địa, được hiểu là bất bình đẳng giữa các vùng, miền, các tỉnh, thành phố, giữa các khu vực thành thị - nông thôn của từng quốc gia. Ở Trung Quốc, bất bình đẳng đã tăng lên cả trong khu vực đô thị lẫn nông thôn, và giữa hai khu vực trên. Tóm lại, mặc dù thành công trong hội nhập quốc tế và khu vực, nhiều nước Đông Á không có được thành công như vậy trong hội nhập nội địa. Những bất bình đẳng về kinh tế, y tế, giáo dục đang

tạo ra những rào cản cho việc phát triển nguồn nhân lực ở các nước này.

Vấn đề thể lực nguồn nhân lực và bất bình đẳng trong tiếp cận y tế

Tuy đã có cải thiện đáng kể về thể lực nguồn nhân lực nhưng tỷ lệ suy dinh dưỡng cao trong nhóm người nghèo và cận nghèo vẫn là một thách thức đối với việc nâng cao chất lượng dân số, nâng cao thể lực nguồn nhân lực của các quốc gia đang phát triển ở Đông Á. Số liệu giai đoạn 1995 – 2003 do UNDP công bố trong *Báo cáo phát triển con người năm 2005* cho biết tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi của Philippin là 31%, Việt Nam 33%, Campuchia 45%, Lào 40%. Tỷ lệ này của Trung Quốc tuy chỉ 10% song với dân số 1,393 tỷ thì số trẻ suy dinh dưỡng này đã là một con số đáng kể trong tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng của nguồn nhân lực Đông Á.

Bên cạnh đó, đang có những bất cập lớn, những bất bình đẳng nghiêm trọng trong tiếp cận hệ thống y tế công cộng - một nhân tố cấu thành nên phúc lợi, đồng thời có ảnh hưởng quan trọng đối với năng suất của lao động và an sinh của người dân, nhất là nhóm người nghèo và cận nghèo, nhóm chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động của các nước đang phát triển ở Đông Á. Một hệ thống y tế quá đắt đỏ hoặc có chất lượng dịch vụ kém đẩy những người không may mắn vào hoàn cảnh túng quẫn và buộc con em họ không được tiếp tục đến trường. Trong khi hầu hết các

nước ở châu Á đã đưa tuổi thọ bình quân lên trên 70 tuổi, chi phí khám chữa bệnh vẫn còn là một nỗi kinh hoàng đối với nhiều người có mức thu nhập thấp và trung bình vì nếu trong gia đình có một người ốm thì cả nhà sẽ bị ảnh hưởng không chỉ vì bị mất một nguồn thu nhập mà còn phải trả viện phí, nhiều khi rất cao so với thu nhập bình thường.

Vấn đề trí lực nguồn nhân lực và bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục

Chất lượng giáo dục thấp không chỉ kìm hãm sự phát triển của quốc gia mà nó còn gây ra và duy trì sự bất công bằng. Trong khi những gia đình khá giả cố gắng tạo điều kiện cho con cái họ có được một nền học vấn tốt, nhờ vậy sau này tìm được việc làm với mức lương cao hơn thì các gia đình nghèo hơn không thể cho con em mình đi du học hay học ở những trường có chất lượng cao trong nước, và vì vậy mức độ sẵn sàng đáp ứng cho thị trường lao động của con em họ sẽ kém hơn và phải nhận mức lương thấp hơn. Như vậy, sự không thành công hay thất bại của hệ thống trường phổ thông và đại học của nhiều nước Đông Nam Á đã gây nên di hại lâu dài cho sự bình đẳng trong xã hội. Ở Việt Nam, nhờ giáo dục phổ thông được mở rộng, một bộ phận lớn dân cư đã chuyển từ mức thu nhập rất thấp lên mức thu nhập trung bình thấp một cách khá nhanh chóng. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa giải quyết được vấn đề giáo dục đại học, đào tạo, dạy nghề, vì vậy, mức độ sẵn sàng

của nguồn nhân lực Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu của thời kỳ hiện nay.

Bất bình đẳng về kinh tế

Có những tranh luận trong khu vực Đông Á về việc phân chia những thành tựu từ tăng trưởng giữa những người dân thành thị và cư dân vùng nông thôn, giữa những lao động được và không được giáo dục tốt, giữa những người có và không có “đôi tai của chính phủ”. Xét về góc độ rộng hơn, việc phân chia không tốt có thể là dấu hiệu về việc những cơ hội tăng trưởng đang bị bỏ qua và nền kinh tế không vận hành hết tiềm năng của nó và rõ ràng đây là nguy cơ đối với phát triển kinh tế bền vững, là mầm mống của những bất ổn xã hội, dẫn đến tính thiếu bền vững về mặt xã hội của quá trình phát triển.

Bình đẳng về thu nhập, về kinh tế là điều kiện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về cả thể lực và trí lực. Để cải thiện công bằng về mặt kinh tế thì tạo điều kiện cho công nhân chuyển từ việc làm thu nhập thấp sang việc làm thu nhập cao hơn lại là yếu tố quan trọng hàng đầu. Đối với nhiều nước Đông Á, đặc biệt ở các nước mà tỷ lệ người dân sống ở khu vực nông thôn cao như Việt Nam thì đó là quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó người nông dân chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp. Quá trình này đang diễn ra khá phức tạp. Đó có thể là kết quả của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng hiệu quả sản

xuất, có thể tự phát hoặc có thể do chính hệ quả từ việc thu hồi đất để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá đang làm cho diện tích đất canh tác ngày càng thu hẹp. Lựa chọn thành phố là điểm di cư là giải pháp của không ít người dân nông thôn. Nhưng giá nhà đất cao, giá cả lương thực, thực phẩm đắt đỏ, trong khi trình độ chuyên môn, kỹ thuật không có hoặc thấp nên cuộc sống của những người di cư trở nên vô cùng khó khăn. Sự khác biệt về tiếp cận dịch vụ xã hội giữa những người di cư và những người dân thành phố thường làm trầm trọng thêm những khác biệt do sản xuất tạo ra. Công tác quản lý đất đai, đô thị hóa và tạo công ăn việc làm mới ở khu vực đô thị sẽ tạo điều kiện cho quá trình di cư được thuận lợi và suôn sẻ song không dễ thành công trong khi nếu thất bại thì hệ quả sẽ là bệnh tật, căng thẳng, bức xúc, và bất ổn xã hội. Ngoại trừ một số nước và lãnh thổ như Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) đã cung cấp cho dân di cư từ nông thôn ra thành thị những kỹ năng cần thiết để họ có thể tìm được việc trong các nhà máy với mức thu nhập tốt hơn bằng hoạt động dạy nghề, đối với một số quốc gia đang phát triển ở Đông Á, đây vẫn là vấn đề nan giải trong chương trình nghị sự về phát triển bền vững.

3. Vài nét về phát triển nguồn nhân lực của Đông Á

Ở các nền kinh tế Đông Á, có nhiều bằng chứng cho thấy nguồn nhân lực đã đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh

tế. Cùng với các yếu tố giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, tình hình sức khoẻ và thể trạng người lao động được cải thiện cũng đóng góp làm tăng GDP. Trong giai đoạn này, chất lượng nguồn nhân lực thể hiện qua giáo dục phổ thông đại chúng tốt, cơ sở công nghệ mạnh và nền văn hoá với những nhận thức và giá trị về thái độ làm việc hợp lý – tăng trưởng kinh tế nhanh kèm theo chuyển giao và mô phỏng công nghệ tích cực. Mặt khác, trình độ nguồn nhân lực và các nỗ lực nâng cao nguồn vốn nhân lực – phát triển nguồn nhân lực không chỉ đóng góp cho tăng trưởng kinh tế mà còn giúp giảm nghèo, giảm bất bình đẳng và ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tiến bộ công nghệ, tạo đà tăng năng suất, nâng cao khả năng cạnh tranh và thực hiện các đổi mới trong phạm vi công ty.

Trong thời gian gần đây, một số nước và lãnh thổ Đông Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore vẫn tiếp tục đầu tư một cách hết sức mạnh mẽ cho giáo dục ở tất cả các cấp với một tầm nhìn chiến lược toàn diện cho phát triển nguồn nhân lực. Tại Hàn Quốc những chiến lược công nghiệp có tính định hướng của chính phủ đã thành công bằng việc đầu tư vào vốn con người. Để phát triển ngành công nghiệp đóng tàu của Hàn Quốc, từ những năm 1970 và 1980, hàng trăm sinh viên Hàn Quốc đã ra nước ngoài để học về các ngành liên quan đến công nghệ đóng tàu tại những trường đại học hàng đầu của thế giới. Khi về nước

những sinh viên này đã đóng vai trò then chốt trong việc phát triển ngành công nghiệp đóng tàu của Hàn Quốc. Ngành công nghiệp bán dẫn ở Đài Loan và Trung Quốc cũng được phát triển theo mô hình này. Những năm 1990, Đài Loan và Trung Quốc đã đầu tư phát triển mạng lưới lưu học sinh ngành kỹ thuật ở các trường đại học hàng đầu của Mỹ, và những nhà khoa học trẻ hứa hẹn nhất nhận được những lời đề nghị hấp dẫn nhất để về nước giảng dạy tại các trường đại học hoặc mở công ty tư nhân. Mức độ tiếp cận giáo dục đại học này được mở rộng một cách nhanh chóng, trong đó đáng lưu ý là giáo dục kỹ thuật và công nghệ. Các nước Đông Á đã dành một sự ưu tiên cao độ cho các trường đại học nghiên cứu đẳng cấp, nơi đào tạo ra những kỹ sư, nhà khoa học, giám đốc, và quan chức chính phủ để đáp ứng nhu cầu của một xã hội nay đã trở nên phức tạp và tinh vi hơn. Nhiều trường đại học của Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan nằm trong danh sách 100 trường đại học hàng đầu của châu Á theo xếp hạng của trường Đại học Giao thông Thượng Hải. Cùng với việc khuyến khích sinh viên du học, đồng thời tạo ra những khuyến khích thích đáng để thu hút sinh viên về nước, nhiều hoạt động dạy nghề ở các nước này cung cấp cho dân di cư từ nông thôn ra thành thị những kỹ năng cần thiết để họ có thể tìm được việc trong các nhà máy với mức thu nhập tốt hơn.

Để tạo các cơ hội phát triển nguồn nhân lực, giải quyết các bất bình đẳng, nhiều nước Đông Á đã nỗ lực tạo công ăn việc làm với năng suất và mức lương ngày một cao hơn cho tất cả mọi lao động. Đài Loan và Hàn Quốc được xem là những mô hình thành công trong việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, phát triển các ngành công nghiệp mới. Quá trình công nghiệp hóa nhanh của Đài Loan và Hàn Quốc đã tạo ra hàng triệu việc làm, và do vậy tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho lực lượng công nhân có kỹ năng và bán kỹ năng ngày càng trở nên đông đảo. Trong quá trình công nghiệp hóa, mỗi khi nền kinh tế của Hàn Quốc và Đài Loan tăng trưởng thêm 1% thì nền kinh tế lại tạo thêm được từ 0,7 đến 0,8% việc làm mới. Đồng thời một nhân tố then chốt trong quá trình này là đại đa số người dân ở cả Đài Loan và Hàn Quốc đều có khả năng tiếp cận đối với giáo dục có chất lượng. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục - đào tạo ở hai nơi này rất chú trọng tới hoạt động dạy nghề và rèn luyện kỹ năng để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp chế tạo đang ngày một lớn mạnh. Đồng thời, hệ thống y tế với chi phí vừa phải ở Đài Loan và Hàn Quốc đã giúp nhiều gia đình tránh được bẫy nghèo do chi phí y tế quá cao và mất thu nhập khi gia đình có người ốm.

Như vậy, để tạo được một nguồn nhân lực đáp ứng được những yêu cầu phát triển phải có sự đầu tư thích đáng, đồng bộ về cả y tế, giáo dục - đào tạo, tạo việc

làm trong một chiến lược phát triển nguồn nhân lực gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng quốc gia

*

* *

Nguồn nhân lực đã góp phần quan trọng vào thành công của khu vực Đông Á trong quá trình hội nhập quốc tế, quá trình hội nhập khu vực, hội nhập toàn địa. Những vấn đề đang đặt ra hiện nay về phát triển bền vững và hội nhập đang đặt ra những thách thức mới đối với nguồn nhân lực Đông Á. Sự thành công của các quốc gia Đông Á trong việc giải quyết các vấn đề phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực cũn phụ thuộc rất lớn vào việc giải quyết những thách thức mới về nguồn nhân lực. Đã có một số mô hình phát triển nguồn nhân lực thành công trong khu vực Đông Á. Đó sẽ là những gợi ý, những mô hình tham khảo tốt cho các nước đang phát triển trong khu vực Đông Á để các nước này nhanh chóng rút ngắn được khoảng cách phát triển./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNDP. *Báo cáo phát triển con người năm 2005.*
2. *Đông Á phục hưng - Ý tưởng phát triển kinh tế.* Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2007. WB.